THANH TỊNH ĐẠO

VISUDDHIMAGGA

THE PATH OF PURIFICATION

Luận sư **Bhadantācariya Buddhaghosa**

Chuyển dịch từ Pàli sang Anh ngữ: Trưởng lão **Ñāṇamoli**
Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ: Thích nữ **Trí Hải**

-o0o-

SÁCH THAM KHẢO

Thanh Tịnh Đạo (2 tập), Thích nữ Trí Hải dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2001.

Thanh Tịnh Đạo Luận Toản Yếu, Thích Phước Sơn, NXB Phương Đông, 2010.

The Path of Purification, translated into English by Bhikkhu Ñāṇamoli, Kandy (Sri Lanka): Buddist Publication Siciety, 1999 (1st Edition 1956 by A. Semage, Colombo).

Các ấn bản của ***Visuddhimagga***:

Sinhalese script: Hewavitarne Bequest edition, Colombo.

Burmese script: Hanthawaddy Press edition, Rangoon, 1900.

Siamese script: Royal Siamese edition, Bangkok.

Latin script: Pali Text Society's edition, London. Harvard University Press edition, Harvard Oriental Series, Vol. 41, Cambridge, Mass., 1950.

Các tác phẩm liên quan:

Buddhaghosuppatti, edited and translated into English, by J. Gray, Luzac and Co., London, 1892.

The Life and Work o f Buddhaghosa, by B.C. Law, Thacker, and Spink, Calcutta and Simla, 1923.

PHẦN I: **GIỚI (*Sīla*)**

CHƯƠNG I:
GIẢNG NGHĨA VỀ GIỚI

A. Dẫn nhập: Đạo lộ (Giới-Định-Tuệ)

- **I. Đạo lộ đưa vượt thoát triền phược *(1-3)***
- **II. Đạo lộ đưa đến Thanh tịnh, Niết-bàn *(4-5)***
- **III. Năm con đường đưa đến thanh tịnh**
- **IV. Chín nhóm Giới-Định-Tuệ**

III. Năm con đường đưa đến thanh tịnh

- *1) Thanh tịnh nhờ tuệ quán*
- *2) Thanh tịnh nhờ thiền định và trí tuệ*
- *3) Thanh tịnh nhờ nghiệp, minh, và chánh pháp*
- *4) Thanh tịnh nhờ giới và tuệ định tĩnh*
- *5) Thanh tịnh nhờ bốn niệm xứ.*

IV. Chín nhóm Giới - Định - Tuệ

- *1) Tăng thượng Giới, Định, và Tuệ*
- *2) Chặng đầu, chặng giữa, và chặng cuối*
- *3) Điều kiện để đắc 3 minh, 6 thông, và vô ngại giải*
- *4) Hành trì tránh 2 cực đoan và tu tập Trung đạo*
- *5) Thoát khỏi đọa xứ, các dục, và tất cả hữu*
- *6) Từ bỏ, nhiếp phục, và đoạn tận*
- *7) Đề phòng ô nhiễm, ám ảnh, và tùy miên*
- *8) Thanh lọc tà hạnh, dục tham, và tà kiến*
- *9) Đắc 2 quả đầu, Bất hoàn, và A-la-hán.*

B. GIỚI

- (i) Giới là gì?
- (ii) Giới có nghĩa là gì?
- (iii) Đặc tính, nhiệm vụ, tướng trạng và nhân gần của Giới?
- (iv) Những gì là lợi ích của Giới?
- (v) Có bao nhiêu loại Giới?

(i) Giới là gì?

- Đó là các pháp khởi từ ***tư tâm sở*** (*cetanā*) hiện hữu nơi một người từ bỏ sát sinh, v.v... hay nơi một người thực hành viên mãn các học giới.
- Patisambhidā nói: "Giới là gì? Có giới là ***tư tâm sở*** (*cetanā*), có giới là ***các tâm sở*** (thọ, tưởng và hành - *cetasika*), có giới là ***sự chế ngự***, có giới là ***không vi phạm***".

(ii) Giới có nghĩa là gì?

- Giới (*sīla*) có nghĩa là ***tự chế*** (*sīlana*). *Tự chế* gồm hai đặc tính: (1) ***phối hợp*** (*samādhāna*), chỉ sự không mâu thuẫn trong ba nghiệp thân, lời và ý nhờ đức hạnh; (2) ***nâng đỡ*** (*upadhārana*), nghĩa là ***nền tảng*** (*ādhāra*) cho những thiện pháp.
- Những người hiểu ngữ nguyên chỉ chấp nhận hai nghĩa này. Song cũng có những người luận về ý nghĩa của giới là cái đầu (*siras*), là mát mẻ (*sītala*).

(iii) Đặc tính, nhiệm vụ, tướng trạng và nhân gần

a) **Đặc tính:** ***Tự chế*** *(Phối hợp & Nền tảng)*

b) **Nhiệm vụ:** ***Chỉ trì*** & ***Tác trì***

c) **Tướng trạng:** ***Thanh tịnh***

d) **Nhân gần:** ***Tàm*** & ***Quý***

(iv) Lợi ích

- *a) Một lợi ích:*
  - - Bất hối.
- *b) Hai lợi ích:*
  - - Được thương mến
  - - Đoạn trừ lậu hoặc.
- *c) Năm lợi ích:*
  - - Được thừa hưởng tài sản lớn
  - - Tiếng tốt đồn xa
  - - Không sợ hãi, rụt rè
  - - Khi chết tâm không tán loạn
  - - Được sanh vào thiện thú, cõi trời.

(v) Có bao nhiêu loại giới?

- 1. Giới một loại (có 1)
- 2. Giới hai loại (có 7)
- 3. Giới ba loại (có 5)
- 4. Giới bốn loại (có 4)
- 5. Giới năm loại (có 2).

(Tổng cộng có 19 loại giới)

19 loại giới

- **1. Tất cả giới thuộc một loại, là đặc tính "tự chế".**
- **2. Hai loại: Hành và tránh (tác, chỉ)**
- **3. Chánh hạnh và khởi đầu đời sống phạm hạnh.**
- **4. Kiêng và không kiêng.**
- **5. Lệ thuộc và không lệ thuộc.**
- **6. Tạm thời và trọn đời.**
- **7. Hữu hạn và vô hạn.**
- **8. Thế gian và xuất thế.**
- **9. Ba loại: Hạ, trung, thượng.**
- **10. Vị kỷ, vị tha và vị pháp.**
- **11. Có dính mắc (chấp thủ), không dính mắc, và an tịnh.**
- **12. Thanh tịnh, bất tịnh, khả nghi.**
- **13. Giới hữu học, vô học và người không phải hữu học hay vô học.**
- **14. Bốn loại: giới thối giảm, giới tù đọng, giới tăng tiến và giới thâm nhập.**
- **15. Giới tỷ-kheo, tỷ-kheo-ni, người chưa thọ cụ và người tại gia.**
- **16. Giới tự nhiên, giới theo cổ tục, giới tất yếu, và giới do nhân về trước.**
- **17. Giới bổn Pàtimokkha, giới phòng hộ các căn, giới thanh tịnh sinh mạng, và giới liên hệ bốn vật dụng.**
- **18. Năm loại thanh tịnh: Hữu hạn, vô hạn, đã viên mãn, không dính mắc, và đã tịnh chỉ.**
- **19. Năm loại chỉ trì: Từ bỏ, kiêng, tác ý (tư tâm sở), chế ngự, và không phạm.**

C. CHÚ GIẢI 19 LOẠI GIỚI

1. Giới thuộc một loại:

- Tất cả giới đều thuộc một loại (đặc tính):



Tự chế

2. Giới thuộc hai loại

– a. Tác và chỉ
– b. Chánh hạnh và khởi đầu Phạm hạnh
– c. Kiêng và không kiêng
– d. Lệ thuộc và không lệ thuộc
– e. Tạm thời và trọn đời
– f. Hữu hạn và vô hạn
– g. Thế gian và xuất thế.

3. Giới thuộc ba loại

- a. Giới bực Hạ, Trung, và Thượng
- b. Giới vị kỷ, vị tha, vị pháp
- c. Dính mắc, không dính mắc, an tịnh
- d. Thanh tịnh, bất tịnh, khả nghi
- e. Hữu học, vô học, và không hữu vô học.

4. Giới thuộc bốn loại

- a. Thối giảm, tù đọng, tăng tiến, và thâm nhập
- b. Tỷ kheo, tỷ-kheo-ni, chưa thọ cụ túc, và tại gia
- c. Tự nhiên, cổ tục, tất yếu, và do nhân về trước
- d. Giới bổn, phòng hộ, thanh tịnh, và bốn vật dụng

5. Giới thuộc năm loại (1)

- **I. Năm tác trì (Thanh tịnh):**

- (a) Giới thanh tịnh một phần
- (b) Giới thanh tịnh hoàn toàn
- (c) Giới thanh tịnh đã viên mãn
- (d) Giới thanh tịnh không lệ thuộc
- (e) Giới thanh tịnh đã an tịnh.

5. Giới thuộc năm loại (2)

II. Năm chỉ trì:

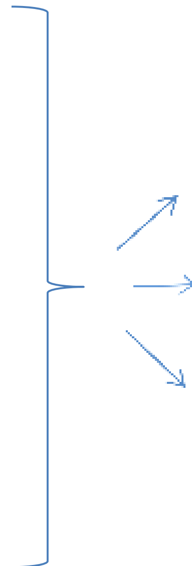
(a) Từ bỏ

(b) Kiêng

(c) Tư tâm sở

(d) Chế ngự

(e) Không phạm



- - GIỚI: Mười thiện nghiệp
- - ĐỊNH: 7 Tu tập và 8 An trú
- - TUỆ: 18 Quán và 4 Đạo lộ

GIỚI: Mười thiện nghiệp

- (1) Về giới **sát sanh**:
  - (a) ***từ bỏ*** sát sinh là giới
    (b) ***kiêng*** sát là giới
    (c) ***tư tâm sở*** (ý chí) là giới
    (d) ***chế ngự*** là giới
    (e) ***không phạm*** là giới.
- (2) Lấy của không cho: từ bỏ lấy của không cho là giới,...
- (3) Từ bỏ dâm dục là giới,...
- (4) Từ bỏ nói láo là giới,...
- (5) Từ bỏ nói độc ác là giới,...
- (6) Từ bỏ nói thô là giới,...
- (7) Từ bỏ nói vô ích là giới,...
- (8) Từ bỏ tham là giới,...
- (9) Từ bỏ sân là giới,...
- (10) Từ bỏ tà kiến là giới,..

ĐỊNH (A): 7 định Tu tập

- (11) Với hạnh xuất ly, từ bỏ **tham dục** là giới,...
- (12) Với vô sân, từ bỏ **sân** là giới,...
- (13) Với tưởng ánh sáng, từ bỏ **hôn trầm** là giới,...
- (14) Với không tán loạn, từ bỏ **trạo cử** là giới,...
- (15) Với trạch pháp, từ bỏ **nghi** là giới,...
- (16) với tri kiến, từ bỏ **ngu si** là giới,...
- (17) Với hân hoan, từ bỏ **chán nản** là giới,...

ĐỊNH (B): 8 định An trú

- (18) Ở sơ thiền, từ bỏ **năm triền cái** là giới...
- (19) Nhị thiền, từ bỏ **tầm tứ** là giới...
- (20) Tam thiền, từ bỏ **hỉ**...
- (21) Tứ thiền, từ bỏ **lạc và khổ**...
- (22) Không vô biên xứ, từ bỏ **sắc tưởng, đối ngại tưởng, sai biệt tưởng** là giới...
- (23) Thức vô biên xứ, từ bỏ **không vô biên xứ tưởng** là giới...
- (24) Vô sở hữu xứ, từ bỏ **thức vô biên xứ tưởng** là giới...
- (25) Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ bỏ **vô sở hữu xứ tưởng** là giới...

TUỆ (A): 18 đề mục Quán

- (26) Quán vô thường, <u>*từ bỏ*</u> **thường tưởng** là giới...; (27) Quán khổ,... **lạc tưởng** là giới...; (28) quán vô ngã,... **ngã tưởng** là giới...; (29) Quán yểm ly,... **tưởng ưa thích**...; (30) Quán ly tham,... **tham**...; (31) Quán diệt,... **sanh**...; (32) Quán xả ly,... **thủ trước**...; (33) Quán hoại,... **tưởng kết hợp**...; (34) Quán (các hành) diệt,... **tích luỹ nghiệp**...; (35) Quán biến đổi,... **tưởng về sự lâu bền**...; (36) Quán vô tướng,... **tướng**...; (37) Quán vô nguyện,... **dục**...; (38) Quán không,... **tà giải** (cố chấp)...; (39) Quán các pháp thuộc tăng thượng tuệ,... **tà giải do chấp thủ**...; (40) Với chánh tri kiến,... **tà giải do si**...; (41) Quán nguy hiểm,... **tài giải do y cứ vào các hành**...; (42) Với tư duy,... **không tư duy**...; (43) Với quán từ bỏ, **tà giải do trói buộc** là giới....

TUỆ (B): 4 đề mục thuộc Đạo lộ

- (44) Dự lưu đạo, từ bỏ **cấu uế do tà kiến** là giới...
- (45) Nhất lai đạo, từ bỏ **các cấu uế thô** là giới...
- (46) Bất hoàn đạo, từ bỏ **cấu uế còn sót lại** (dư tàn) là giới...
- (47) A-la-hán đạo, từ bỏ **tất cả cấu uế** là giới, **kiêng giữ** là giới, **tác ý** là giới, **chế ngự** là giới, **không phạm** là giới.



D. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN LẠI VỀ GIỚI

- **1. Giới ô nhiễm**
- **2. Giới thanh tịnh (nguyên vẹn)**
- **3. Nguy hiểm của sự phá giới**
- **4. Lợi ích của sự giữ giới.**

1. Giới ô nhiễm

a) Thế nào là Giới ô nhiễm và Giới thanh tịnh?

- \- **Giới ô nhiễm** ⇒ Giới bị rách, lủng, hoen ố, lốm đốm
- \- **Giới thanh tịnh** ⇒ Không bị rách, lủng, hoen ố, lốm đốm

b) Bốn loại ô nhiễm của Giới:

- 1) ***Bị rách***: *Vi phạm học giới ở* ***chặn đầu*** *hay* ***chặn cuối*** trong bảy "tụ", như một tấm vải bị cắt ở biên.
- 2) ***Bị lủng***: *Phạm giới* ***nửa chừng*** *tu học*, như tấm vải bị cắt ở giữa.
- 3) ***Bị ố***: *Phạm giới* ***liên tiếp*** *hai ba lần*, như một con bò toàn thân đen hay đỏ mà bỗng có một mảng lông khác màu ở lưng hay bụng.
- 4) ***Lốm đốm***: *Phạm giới* ***thường xuyên***, như con bò trên toàn thân có những đốm khác màu với da của nó.

c) Giới ô nhiễm với 7 trói buộc của dục:

- *1) Thích thú phụ nữ xoa bóp*
- *2) Đùa giỡn với phụ nữ*
- *3) Nhìn phụ nữ chòng chọc*
- *4) Lắng tai nghe tiếng phụ nữ*
- *5) Tưởng nhớ đến tiếng nói cười với họ trước đây*
- *6) Nhìn người khác hưởng năm dục*
- *7) Phạm hạnh với mong ước sanh Thiên.*

2. Giới thanh tịnh (nguyên vẹn)

- Không vi phạm các học giới,
- Sám hối những giới đã phạm,
- Không có bảy trói buộc của dục,
- Không khởi những ác pháp,
- Khởi những đức tính ít muốn, biết đủ, viễn ly.

- Như vậy là giới hoàn toàn không bị rách, không lủng, không ố, không lốm đốm. Sự không bị rách... chính là thanh tịnh giới.

3. Nguy hiểm của sự phá giới:

- Do sự thiếu giới hạnh, một người không làm cho chư thiên và loài người hoan hỷ, thành một kẻ khó nói đối với đồng phạm hạnh.
- Vị ấy đau khổ và bị chỉ trích khi phạm giới, và hối hận khi thấy những người giữ giới được tán dương.
- Vị ấy sẽ phải đau khổ lâu dài trong các đọa xứ.

4. Lợi ích của sự giữ giới

- Những hương trên thế gian
- Hương giới không chướng ngại
- Toả bay khắp mười phương.
- Phục vụ người giới đức
- Dù ít, kết quả nhiều.
- Bởi vậy người giới đức
- Là kho chứa danh xưng.
- Không có lậu hoặc nào
- Ở trong đời hiện tại
- Bức bách người có giới.
- Vị ấy còn đào hết
- Gốc rễ của đau khổ.

